

Số: 15 /QĐ-STTTT

Bắc Kạn, ngày 25 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng
của Sở Thông tin và Truyền thông

GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 09/2018/TT-BTTTT ngày 29/6/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thi đua, khen thưởng của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 98/QĐ-STTTT ngày 31/8/2016 của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy chế Thi đua - Khen thưởng của Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở, thủ trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở, công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở, Phòng Văn hoá - Thông tin, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Ban TĐKT tỉnh;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng VH TT, Trung tâm VH TTTT các huyện, thành phố;

Gửi bản giấy:

- Các doanh nghiệp: Chi nhánh Viettel Bắc Kạn; Viễn thông Bắc Kạn; Mobifone tỉnh Bắc Kạn; Bưu điện tỉnh Bắc Kạn; Chi nhánh Bưu chính Viettel Bắc Kạn; Công ty Cổ phần In Bắc Kạn; Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Bắc Kạn;
- Lưu: VT, HSTĐKT.

GIÁM ĐỐC

Hà Văn Tiến

QUY CHẾ

Thi đua, khen thưởng của Sở Thông tin và Truyền thông
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-STTTT ngày / /2019 của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn, bao gồm: Tổ chức thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; tổ chức bình xét, thẩm định, hiệp y khen thưởng; quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng.

2. Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và những nội dung liên quan khác không quy định tại văn bản này thì thực hiện theo Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật của các cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các tập thể, cá nhân trong ngành Thông tin và Truyền thông; các tập thể, cá nhân ngoài ngành có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển ngành Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn; tổ chức, cá nhân, trong và ngoài tỉnh; tổ chức, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. Thành tích xuất sắc là thành tích mà tập thể, cá nhân đạt được ở mức độ cao hơn, có tính vượt trội trong công tác hoặc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nhiệm vụ được giao, được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

2. Thành tích xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất mà tập thể, cá nhân đạt được ở mức độ xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc đạt các giải cấp toàn quốc, đạt các giải nhất, nhì, ba cấp khu vực (gồm nhiều tỉnh trong khu vực, vùng miền) trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn, hội thao...

3. Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực (khu vực Đông-Nam Á, Châu lục) hoặc thế giới công nhận.

4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng được gọi chung cho cả hồ sơ xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; hồ sơ đề nghị khen thưởng chuyên đề bao gồm cả hồ sơ đề nghị khen thưởng trong các phong trào thi đua (một chuyên đề hoặc đợt thi đua) và khen thưởng theo lĩnh vực.

5. Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ xác định thành tích trước khi xem xét quyết định khen thưởng.

6. Thẩm định hồ sơ là việc kiểm tra lại tính chính xác của thành phần, số lượng hồ sơ và nội dung thành tích được nêu trong báo cáo thành tích để đảm bảo theo đúng quy định.

7. Các Luật thi đua, khen thưởng năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 được gọi chung là “Luật thi đua, khen thưởng”.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua gồm:

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
- b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Nguyên tắc khen thưởng gồm:

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng nếu đạt được nhiều thành tích khác nhau; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;

c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng.

d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

đ) Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.

e) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được thực hiện theo quy định chung.

3. Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

4. Cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải đăng ký thi đua, không đăng ký thi đua sẽ không được xét khen thưởng.

5. Khi xét khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước hằng năm cho tập thể và cá nhân là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền ngoài tiêu chuẩn chung thì đơn vị, địa phương đó phải có kết quả xếp loại chỉ số cải cách hành chính của năm đạt từ loại khá trở lên mới được khen thưởng.

6. Đối với khen thưởng thành tích toàn diện (khen thưởng tổng kết năm thi đua), trong một năm không xét tặng đồng thời danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên cho cùng một đối tượng. Đối với khen thưởng chuyên đề, khen thưởng theo lĩnh vực trong một năm chỉ được xét tặng không quá 02 hình thức khen thưởng cấp tỉnh cho cùng một đối tượng.

7. Đối với các chuyên đề (đợt) thi đua do Sở, UBND cấp huyện phát động, do cơ quan phát động khen thưởng theo thẩm quyền. Chỉ khi có tập thể, cá nhân thật sự tiêu biểu xuất sắc mới đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét tặng Bằng khen.

8. Không khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho các trường hợp sau:

a) Các tập thể có tổ chức đảng (Đảng bộ, Chi bộ) bị xếp loại dưới mức hoàn thành tốt nhiệm vụ (khen thành tích toàn diện theo từng năm).

b) Công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở có từ 6 tháng trở lên đạt công B, công C.

c) Các trường hợp nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng chậm quá 30 ngày kể từ ngày tổ chức sơ kết, tổng kết hoặc kết thúc sự kiện.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu thi đua cấp Nhà nước

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 và Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, Khoản 7 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013, Điều 11 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 6. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Thông tin và Truyền thông”

Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Thông tin và Truyền thông” thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 09/2018/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 7. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng các danh hiệu thi đua cấp tỉnh

1. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Kạn.

3. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua cấp tỉnh” thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Kạn.

Điều 8. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Thông tin và Truyền thông đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao.
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ). Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

6. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 9. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Thông tin và Truyền thông đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu “Lao động tiên tiến”.
- b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

2. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong đó có ít nhất 50% là người lao động trực tiếp làm chuyên môn, nghiệp vụ hoặc trực tiếp lao động sản xuất. Trường hợp số lượng người đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” dưới 07 người thì được xét 01 người.

3. Một số thành tích được thay thế cho tiêu chuẩn sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”:

- Cá nhân trực tiếp tham gia xây dựng Đề án đã được các cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, cấp huyện phê duyệt và đã đưa vào thực hiện.

- Cá nhân tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành và đưa vào áp dụng trong thực tế.

Điều 10. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể là các phòng, đơn vị thuộc Sở Thông tin và Truyền thông đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 11. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (các loại Huân chương, Huy chương; danh hiệu vinh dự Nhà nước; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ) thực hiện theo các quy định của Luật thi đua, khen thưởng và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 12. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng các hình thức khen thưởng của Bộ Thông tin và Truyền thông

Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng các hình thức khen thưởng của Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 09/2018/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 13. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Kạn.

Điều 14. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông

1. Giấy khen của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông được xét tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua.
- b) Lập được thành tích đột xuất.
- c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông được xét tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua.
- b) Lập được thành tích đột xuất.
- c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, quyết định.

Chương IV

TỔ CHỨC BÌNH XÉT, THẨM ĐỊNH, HIỆP Y KHEN THƯỞNG

Điều 15. Quy trình bình xét khen thưởng

1. Việc bình xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân được thực hiện từ cơ sở (các phòng, đơn vị thuộc Sở, phòng VH TT, Trung tâm VH TTTT các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông) phải có ít nhất 80% số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia họp xét. Tập thể, cá nhân đạt ít nhất 70% số người tham gia họp nhất trí tán thành (bỏ phiếu hoặc biểu quyết) mới được đề nghị khen thưởng. Cuộc họp bình xét phải được lập biên bản với đầy đủ nội dung liên quan và gửi cấp có thẩm quyền.

2. Trên cơ sở kết quả bình xét từ cơ sở, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng họp xem xét, bình chọn các tập thể, cá nhân có thành tích theo các tiêu chuẩn khen thưởng. Cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị phải có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự. Tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn được đề nghị khen thưởng phải được các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bỏ phiếu và đạt số phiếu tán thành theo quy định (thành viên vắng mặt phải xin ý kiến bằng phiếu). Hội đồng lập biên bản kết quả cuộc họp bình xét trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Đối với các chuyên đề liên quan đến nhiều ngành có thành lập Ban chỉ đạo thì cơ quan thường trực chuyên đề (hoặc được giao chủ trì) phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xét duyệt và trình khen thưởng; đối với khen thưởng đột xuất, khen thưởng đối ngoại có thành tích công trạng rõ ràng, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tổ chức thẩm định hồ sơ trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 16. Quy định về đánh giá công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua của cá nhân

1. Hội đồng xét duyệt sáng kiến Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm đánh giá, công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của cá nhân là công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Việc đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của cá nhân đề nghị khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước do Hội đồng Khoa học Công nghệ tỉnh thực hiện.

3. Đối tượng được công nhận có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét khen thưởng là tác giả sáng kiến, chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu sáng kiến, đề tài. Cá nhân trực tiếp tham gia đề tài nghiên cứu khoa học hoặc sáng kiến mà có nhiều người tham gia phải đạt tỷ lệ đóng góp từ 15% trở lên.

4. Sáng kiến để làm căn cứ xét khen thưởng phải là sáng kiến đã được áp dụng trong thực tiễn lao động, công tác, học tập đem lại hiệu quả; đối với đề tài nghiên cứu khoa học phải là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên và đã được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao. Kết quả đề tài, sáng kiến để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 24 tháng, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” không quá 48 tháng, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” không quá 84 tháng tính từ thời điểm nghiệm thu đề tài hoặc công nhận sáng kiến đến thời điểm đề nghị xét khen thưởng. Thời gian áp dụng vào thực tế của đề tài khoa học ít nhất là được 06 tháng, của sáng kiến ít nhất là 03 tháng trước ngày đề nghị xét khen thưởng. Một đề tài hoặc sáng kiến chỉ được tính để xét một lần danh hiệu thi đua của từng cấp.

5. Kết quả đánh giá, công nhận sáng kiến hoặc nghiệm thu đề tài và phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài, sáng kiến cùng thành tích đạt được của tập thể, cá nhân là căn cứ để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; chỉ đề nghị khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên đối với đề tài, sáng kiến được áp dụng hiệu quả và có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh hoặc toàn quốc.

Điều 17. Cơ sở xác định tập thể “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” để làm căn cứ xét khen thưởng

Tập thể được xác định “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” để xét khen thưởng phải đạt các tiêu chí: Hoàn thành 100% nhiệm vụ (công việc) được giao trong năm (theo kế hoạch công tác năm của cấp có thẩm quyền giao) vượt tiến độ và đạt hiệu quả cao; hoàn thành kịp thời, đảm bảo chất lượng các nhiệm vụ đột xuất; trong tập thể phải có cá nhân được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và không có người không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 18. Trách nhiệm xác nhận thành tích khen thưởng, thẩm định hồ sơ khen thưởng

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trình khen thưởng phải xác nhận thành tích và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thành tích do mình xác nhận.

2. Đơn vị Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Thông tin và Truyền thông (Văn phòng Sở) có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng do các cơ quan, đơn vị trình.

Điều 19. Quy định tỷ lệ kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua- Khen thưởng

Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải có kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng:

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; “Tập thể lao động xuất sắc”: Phải đạt ít nhất 70% số phiếu tán thành;

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại, danh hiệu vinh dự Nhà nước): Phải đạt ít nhất 90% số phiếu tán thành.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Thông tin và Truyền thông”: Phải có trên 70% số phiếu tán thành.

4. Bằng khen cấp tỉnh phải đạt ít nhất 80% số phiếu tán thành (trừ khen thưởng đột xuất, khen thưởng đối ngoại).

5. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phải có trên 50% số phiếu tán thành.

6. Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác không quy định tại Điều này việc bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết khi bình xét khen thưởng do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét quyết định.

Điều 20. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thành phần hồ sơ gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng (kèm theo danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng) của cơ quan, đơn vị trình.

- Biên bản họp xét khen thưởng của cơ quan, đơn vị trình hoặc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị trình (nếu có).

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trình khen thưởng (*theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này*).

- Báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng (1/2 trang A4).

- Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài trong trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

- Quyết định công nhận đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” 03 lần liên tục trong trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

- Quyết định công nhận đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” 02 lần liên tục trong trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

- Quyết định công nhận cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” trong trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”.

- Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen, Chiến sĩ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc và các hình thức khen thưởng cấp

nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với doanh nghiệp phải có báo cáo kết quả kiểm toán trong thời gian từ 05 năm trở lên trước khi đề nghị khen thưởng.

- Trường hợp đề nghị tặng huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức ở trung ương có liên quan hoặc UBND cấp tỉnh.

- Các tài liệu minh chứng và các văn bản có liên quan khác.

2. Số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông: 01 bộ bản chính.

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh: 03 bộ bản chính.

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp nhà nước: 05 bộ bản chính (riêng hồ sơ đề nghị xét tặng Huân chương, Huy chương các loại, danh hiệu Anh hùng: 06 bộ bản chính).

3. Hình thức gửi hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Thông tin và Truyền thông bằng cả 02 hình thức: Bằng văn bản (bản giấy) và bản điện tử (ở định dạng file PDF có đủ giá trị pháp lý theo quy định, riêng đối với tờ trình, danh sách, báo cáo thành tích và báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng gửi kèm bản điện tử ở định dạng file word).

Địa chỉ mail nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng bản điện tử: vanphong.tt@backan.gov.vn

4. Lưu hồ sơ:

Hồ sơ khen thưởng được lưu tại cơ quan hoặc bộ phận thẩm định hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền khen thưởng. Thành phần hồ sơ, thời gian lưu trữ theo quy định của Luật Lưu trữ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 21. Hiệp y khen thưởng

1. Khi trình khen thưởng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông”, “Cờ thi đua của Bộ Thông tin và Truyền thông” cho tập thể Sở Thông tin và Truyền thông hoặc Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông phải lấy ý kiến hiệp y của UBND tỉnh.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông đóng trên địa bàn tỉnh khi trình khen thưởng cho tập thể cơ quan, đơn vị hoặc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải có ý kiến hiệp y của Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Khi nhận được văn bản xin ý kiến hiệp y, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện), cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Sau 07 ngày làm việc, nếu không có ý kiến trả lời thì được coi như đồng ý, cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục trình khen thưởng theo quy định.

Điều 22. Thời gian thẩm định và thông báo kết quả khen thưởng

1. Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng

Đơn vị Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Thông tin và Truyền thông (Văn phòng Sở) thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng và trình cấp có

thẩm quyền xét khen thưởng trong thời hạn 20 ngày làm việc (30 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2. Thời gian thông báo kết quả xét khen thưởng:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền, đơn vị Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Thông tin và Truyền thông (Văn phòng Sở) có trách nhiệm thông báo kết quả khen thưởng cho đơn vị trình biết.

- Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, đơn vị Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Thông tin và Truyền thông (Văn phòng Sở) có trách nhiệm thông báo cho đơn vị trình biết.

Chương V

QUỸ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Điều 23. Nguồn lập Quỹ Thi đua, Khen thưởng của Sở Thông tin và Truyền thông

Quỹ Thi đua, Khen thưởng của Sở Thông tin và Truyền thông được hình thành từ các nguồn sau:

- Từ nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao hàng năm cho Sở Thông tin và Truyền thông với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm.

- Từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

- Từ các nguồn thu hợp pháp khác được phép trích (nếu có).

Điều 24. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

- Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, hộp, khung).

- Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể được Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông quyết định khen thưởng.

- Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn.

- Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân.

- Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

- Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

- Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Điều 25. Nguyên tắc tính và mức tiền thưởng

1. Nguyên tắc tính tiền thưởng

- Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng được tính trên cơ sở mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định khen thưởng.

- Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Mức tiền thưởng danh hiệu thi đua

- Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở.

- Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được tặng Bằng chứng nhận và được thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở.

- Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được thưởng 0,8 lần mức lương cơ sở.

3. Mức tiền thưởng Bằng khen, Giấy khen

- Cá nhân được tặng Giấy khen của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông được kèm theo mức tiền thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở.

- Tập thể được tặng Giấy khen của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông được kèm theo tiền thưởng gấp hai lần tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều này.

4. Mức chi cho mua tặng phẩm lưu niệm đối với các trường hợp khen không thưởng tiền thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông không quá 0,3 mức lương cơ sở.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông có trách nhiệm phổ biến, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh mới, các đơn vị phản ánh về Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Sở Thông tin và Truyền thông (Văn phòng Sở) để tổng hợp, báo cáo Giám đốc xem xét, quyết định./.

GIÁM ĐỐC

Hà Văn Tiến